

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 14 - 03- 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Sơn;
2. Ông Phạm Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm, lưu động, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đinh Văn T, sinh ngày: 27/7/1990 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đinh Văn K, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Bị cáo có vợ: Bé Thị T1, sinh năm 1989 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 27/12/2016 bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 693/2016/HSST, ngày 09/6/2017 bị TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù theo bản án số 136/2017/HSST. Ngày 30/01/2021 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Trần Xuân T2, sinh năm 1992, có mặt.

Trú tại: Thôn A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Anh Q, sinh 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Trần Quốc V, sinh năm 1988, vắng mặt.

Trú tại: Số nhà B, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đinh Văn T trú tại Buôn K, xã D, huyện K đã có tiền án về tội Cướp giật tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích). Ngày 30/01/2021, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, T sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian sinh sống tại Đồng Nai, T có quen biết với anh Trần Quốc V, trú tại số nhà B, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, T vay anh V số tiền 260.000.000 đồng. Đến đầu tháng 8/2023, T trở về Đắk Lắk sinh sống. Vào ngày 10/8/2023, T đến thuê căn nhà số A, đường A thuộc thôn Q, thị trấn B, huyện K. Tại đây, T mở tiệm sửa chữa xe máy. Lúc này, anh V đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu T trả nợ số tiền 260.000.000 đồng. Khi đó, T nảy sinh ý định thuê xe tự lái để đi xuống Đồng Nai gặp anh V để giải quyết việc trả nợ.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 15/8/2023, T đến gặp anh Trần Xuân T2 (chủ tiệm cho thuê xe ô tô) tại số nhà F, đường H, thôn Q, thị trấn B, huyện K hỏi thuê xe ô tô. Khi đó, anh T2 hỏi T giấy phép lái xe cùng giấy tờ tùy thân. Lập tức, T nói tên của T là “T3”, đồng thời đưa ra một giấy phép lái xe hạng B2, mang tên Hồ Ngọc T3 (có dán ảnh của T) và nói căn cước công dân đã làm mất. Lúc này, anh T2 kiểm tra thấy T có giấy phép lái xe hạng B2 và làm nghề sửa xe máy ở đối diện nên anh T2 đồng ý cho T thuê xe ô tô mang biển kiểm soát 47A-364.45 (xe của anh Nguyễn Anh Q, trú tại tổ dân phố C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho anh T2 mượn để kinh doanh), trong thời gian 03 ngày, từ ngày 15/8/2023 đến ngày 18/8/2023, với số tiền 900.000 đồng/01 ngày. Khi thuê xe thì anh T2 và T ký hợp đồng cho thuê xe, sau đó anh T2 chụp hình giấy phép lái xe lại và giao xe ô tô biển kiểm soát 47A-364.45 cho T sử dụng. Sau khi thuê được xe ô tô, T điều khiển xe ô tô đến Đồng Nai gặp anh V. Tại đây, T mượn thêm của anh V số tiền 50.000.000 đồng nhưng anh V không đồng ý. T nói để lại xe ô tô của gia đình cho anh V để đảm bảo cho việc trả nợ thì V đồng ý đưa thêm cho T 50.000.000 đồng. Đến hạn trả lại xe cho anh T2 theo như trong hợp đồng nhưng không có tiền trả cho anh V để lấy lại xe nên T bỏ trốn. Do không liên lạc được với T nên anh T2 đã đến trình báo sự việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Đến ngày 20/8/2023, anh V đã giao nộp xe ô tô biển kiểm soát 47A-364.45 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo quy định của pháp luật. Đến ngày 25/9/2024, Đinh Văn T bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG, ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 xe ô tô con, mang biển kiểm soát 47A - 365.45, chủng loại Honda JAZZ, loại 05 chỗ ngồi, màu đỏ, số khung 5830JT040197, số máy L15Z24367465, được mua mới vào năm 2018 có giá trị 340.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ 01 (một) xe ô tô mang biển kiểm soát 47A-364.45 do anh Trần Quốc V giao nộp.

Cáo trạng số: 01/CT-VKS-HS ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Đinh Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52, các điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 xe ô tô mang biển kiểm soát 47A-364.45 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Anh Q. Tuy nhiên, anh Q đã cho anh T2 mượn xe để kinh doanh nên anh T2 là người quản lý hợp pháp của chiếc xe này. Ngày 06/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định xử lý vật chứng số 23/QĐ-ĐTTH, trả lại xe cho anh T2, là người quản lý hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Xuân T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật bị cáo Đinh Văn T đã dùng thông tin giả họ tên là Hồ Ngọc T3, xuất trình giấy phép lái xe hạng B2 để thuê xe ô tô tự lái biển kiểm soát 47A-364.45, trị giá 340.000.000 đồng của anh Trần Xuân T2,

sau đó chiếm đoạt đem cầm cố cho anh Trần Quốc V để vay số tiền 50.000.000 đồng, rồi bỏ trốn, bị bắt theo lệnh truy nã vào ngày 25/9/2024.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện K, bị cáo là người có khả năng nhận thức, buộc phải biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật sẽ bị nghiêm trị, nhưng xuất phát từ động cơ tham lam, tư lợi, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mặc dù, trước đó bị cáo đã bị xử phạt tù về tội chiếm đoạt tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo mình thành người lương thiện, lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng: Vào ngày 27/12/2016 bị cáo bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 693/2016/HSST, ngày 09/6/2017 bị TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù theo bản án số 136/2017/HSST. Ngày 30/01/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội mới nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với anh Trần Quốc V là người đã giữ chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 47A-364.45 để làm tin và cho bị cáo vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Anh V không biết chiếc xe trên là do bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Đối với việc Đinh Văn T sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook thuê người làm một giấy phép lái xe hạng B2, mang tên Hồ Ngọc T3 với hình ảnh trên giấy phép lái xe là hình của T. Quá trình điều tra, không thu thập được giấy phép lái xe này, không có cơ sở để kết luận giám định giấy phép lái xe này là giả. Do đó, không có căn cứ để xử lý Đinh Văn T về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô mang biển kiểm soát 47A-364.45 do anh Trần Quốc V giao nộp, thuộc sở hữu của anh Nguyễn Anh Q. Tuy nhiên, anh Q đã cho anh T2 mượn xe để kinh doanh nên anh T2 là người quản lý hợp pháp của chiếc xe này. Ngày 06/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định xử lý vật chứng số 23/QĐ-ĐTTH, trả lại xe cho anh T2, là người quản lý hợp pháp nên không đề cập giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Xuân T2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

Đối với việc bị cáo thỏa thuận vay mượn số tiền 310.000.000 đồng của anh Trần Quốc V để mua đất, xét đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo và anh V. Trường hợp các bên không thỏa thuận được việc giải quyết, anh V có quyền khởi kiện bị cáo bằng vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/9/2024.

[2] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; TANDTC;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Trại tạm giam;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

(đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên